



Công ty cổ phần du lịch và thực phẩm sao việt

số 2 ngõ 71 đường Thạch Bàn, Quận Long Biên, TP Hà Nội

thucphamsaoviet@gmail.com

Tiểu học thạch Bàn B

THỰC ĐƠN HỌC SINH

TUẦN 2						
	Bữa ăn	9/12/2024	10/12/2024	11/12/2024	12/12/2024	13/12/2024
1	Món cơm	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng
2	Món chính	Thịt kho tàu	Bò hầm ngô non	Cá rán giòn	Thịt xay rang hành	Gà KFC
3	Món phụ	Chả lợn rim	Cá viên chiên	Giò rim	Trứng trung	Khoai tây chiên bơ
4	Món rau	Giá xào cà rốt	Su hào rốt xào	Bắp cải cà rốt xào	Cải ngọt xào	Canh thịt nấu đậu non
5	Món canh	Canh thịt nấu rau cải	Canh xương bí xanh	Canh thịt nấu bí đỏ	Canh thịt nấu bắp cải	
6	Bữa phụ	Sữa Kun cam	Bánh mì tươi Socola	Sữa Kun nho	Bánh Chocopie	Sữa Yakun



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương



GIÁM ĐỐC

Mai Thị Vân Anh



Được quét bằng CamScanner



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P.Thạch Bàn, Q Long Biên, Hà Nội. --- MST: 0101827452

TEL: 0913.315.004 - 0466.828.728 - Email: thucphamsaoviet@gmail.com

SUẤT ĂN HỌC SINH BÀN TRÚ TIÊU HỌC THẠCH BÀN B NĂM HỌC 2024-2025

Suất ăn 32.000đ trên một học sinh đã bao gồm VAT

Tuần	2	Thứ 2	9/12/2024	13/12/2024
------	---	-------	-----------	------------

Ghi chú : Định lượng chín chỉ có tính chất tham khảo. Rau và canh có thể thay đổi

Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	DL chín	Klo	Phụ Phí	Giá Trj	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Hai	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200	28,892	3,200	32,092
	Thịt kho tàu	Thịt lợn	0.06	135,000	8,100	0.048	156	CNV	2,295			
		Đường vàng	0.002	40,000	80	0.0018	6.8	KH	500			
		Nước cốt dừa	0.002	40,000	80	0.0018	6.8	Bảo hiểm	50			
	Chả lợn rím	Chả lợn	0.02	135,000	2,700	0.008	54	Lãi	1,295			
	Giá xào cà rốt	Giá đỗ	0.05	25,000	1,250	0.02	45	Nước	50			
		Cà rốt	0.005	25,000	125	0.0035	1.9	xe giao	247			
	Canh thịt nấu rau cải	Thịt lợn xay	0.002	135,000	270	0.0016	5.2					
		Rau cải canh	0.02	25,000	500	0.016	3.6					
		Giếng củ	0.001	40,000	40	0.0008	0.17					
	Sữa Kun cam	Sữa Kun cam	1	5,500	5,500	0.11	121					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.02	65,000	1,300	0.02	180					
		Gia vị			1,000							
	Tổng thứ Hai				23,255	0.4515	800		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	DL chín	Klo	Phụ Phí	Giá Trj	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Ba	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200	28,137	3,200	31,337
	Bò hầm ngô non	Thịt bò	0.027	200,000	5,400	0.0216	67.5	CNV	2,295			
		Ngô non	0.02	100,000	2,000	0.016	35.4	KH	500			
		Cà rốt	0.02	25,000	500	0.016	8.26	Bảo hiểm	50			
		Cà ri bơ	0.001	100,000	100	0.0008	3	Lãi	1,295			
		Bột năng	0.003	50,000	150	0.0024	9	Nước	50			
	Cá viên chiên	Cá viên	0.026	100,000	2,600	0.0208	41.6	xe giao	247			
	Su hào rút xào	Su hào	0.055	25,000	1,375	0.044	38.5					
		Cà rốt	0.005	25,000	125	0.004	2.065					
	Canh xương bí xanh	Xương lợn	0.005	70,000	350	0.004	12.5					
		Bí xanh	0.03	25,000	750	0.024	4.5					
	Canh xương bí xanh	Gừng củ	0.001	40,000	40	0.0008	0.79					
	Bánh mì tươi Socola	Bánh nhân cơm	1	4,500	4,500	0.085	85					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.02	65,000	1,300	0.02	180					
		Gia vị			1,000							
	Tổng thứ Ba				22,500	0.4794	708		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	DL chín	Klo	Phụ Phí	Giá Trj	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Tư	Cơm trắng	Gạo tẻ thơm	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200	28,582	3,200	31,782
	Cá rán giòn	Cá rôphi file	0.055	110,000	6,050	0.0495	77	CNV	2,295			
		Bột chiên giòn	0.01	55,000	550	0.009	34	KH	500			
	Giò rím	Giò lợn	0.02	135,000	2,700	0.018	54	Bảo hiểm	50			
	Giá xào cà rốt xào	Bắp cải	0.055	25,000	1,375	0.044	30.8	Lãi	1,295			
		Cà rốt	0.005	25,000	125	0.004	2.065	Nước	50			
	Canh thịt nấu bí đỏ	Thịt xay	0.002	135,000	270	0.0016	5.4	xe giao	247			
		Bí đỏ	0.03	25,000	750	0.024	5.1					

		Rau mùi tàu	0.001	40,000	40	0.0008	0.86					
	Sữa Kun nhỏ	Sữa Kun nhỏ	1	5,500	5,500	0.11	121					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.035	65,000	2,275	0.035	315					
		Gia vị			1,000		100					
	Tổng thứ Tư				22,945	0.5159	965.225				5,637	
Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL.Số	Đơn Giá	Thành Tiền	DL.chính	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Năm	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200			
	Thịt xay rang hành	Thịt lợn	0.06	135,000	8,100	0.048	162	CNV	2,295			
		hành lá	0.001	30,000	30	0.0009	0.41	KH	500			
	Trứng trứng	Trứng gà	0.5	3,600	1,800	0.35	95	Bảo hiểm	50			
		Cà chua	0.005	30,000	150	0.004	2	Lãi	1,295			
	Cải ngọt xào	Rau cải ngọt	0.06	25,000	1,500	0.054	12	Nước	50			
		Tỏi bóc	0.001	40,000	40	0.0009	2	xe giao	247			
	Canh thịt nấu bắp cải	Thịt	0.002	135,000	270	0.0012	5.2			27,437	3,200	30,637
		Bắp cải	0.025	25,000	625	0.015	44					
		Cà chua	0.005	30,000	150	0.003	0					
	Bánh Chocopie	Bánh Chocopie	1	4,500	4,500	0.08	100					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.025	65,000	1,625	0.025	225					
		Gia vị			700							
	Tổng thứ Năm				21,800	0.802	788.675		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL.Số	Đơn Giá	Thành Tiền	DL.chính	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Sáu	Cơm trắng	Gạo tẻ thơm	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200			
	Gà KFC	Thịt gà CN	0.11	87,000	9,570	0.088	198	CNV	2,295			
		Bột chiên giòn	0.01	55,000	550	0.009	34	KH	500			
		Bột quyên	0.003	200,000	600	0.0027	9	Bảo hiểm	50			
		Bột nghệ	0.001	100,000	100	0.0007	3	Lãi	1,295			
	Khoai tây chiên bơ	Khoai tây	0.06	25,000	1,500	0.042	55.8	Nước	50			
		Bột chiên khoai	0.003	100,000	300	0.0021	9	xe giao	247			
		Bơ	0.001	100,000	100	0.0009	1.6					
	Canh thịt nấu đậu non	Thịt lợn xay	0.002	135,000	270	0.0018	5.2			30,967	3,200	34,167
		Cà chua	0.005	30,000	150	0.0045	0.9					
		Hành lá	0.001	30,000	30	0.0009	0.36					
		Đậu non	0.025	30,000	750	0.0225	19.25					
	Sữa Yakun	Sữa Yakun	1	5,500	5,500	0.11	121					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.04	65,000	2,600	0.04	360					
		Gia vị			1,000		100					
	Tổng thứ Sáu				25,330	0.5451	1137.11		5,637			

32,000 160,000.00 160,015.00 15.00



KHIẾN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương



GIÁM ĐỐC

Mai Thị Vân Anh



Được quét bằng CamScanner